

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2022/DS-ST
Ngày: 22/11/2022.
V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Vân Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Thông.

Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền.

Thư ký phiên tòa: anh Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà **Trần Huỳnh Như T** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/11/2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: **tổ I, ấp A, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.**

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: **ấp D, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.**

(các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Nguyên đơn và anh Nguyễn Thanh S tự nguyện kết hôn vào năm 2007 tại **UBND xã B**, thị xã L (nay là thành phố L), tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, nguyên nhân là do anh S ham mê uống rượu về đập phá đồ đạc, hăm dọa đánh đập vợ con. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S không thay đổi mà ngày càng uống rượu nhiều, chửi bới, đuổi mẹ con ra khỏi nhà. Tháng 03/2020 do không thể tiếp tục chịu đựng nên nguyên đơn đã đưa

hai con chung ra phòng trọ sinh sống và vợ cH ly thân. Nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Vợ cH có 02 con chung là các cháu Nguyễn Quốc P, sinh ngày 02/01/2009 và cháu Nguyễn Nhất B, sinh ngày 18/01/2011. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai ngày 18/8/2022, bị đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Bị đơn có đăng ký kết hôn với Chị Nguyễn Thị Thu H vào tháng 8/2007 tại **UBND xã B**. Vợ cH có 02 người con là cháu Nguyễn Quốc P, sinh ngày 02/01/2009 và cháu Nguyễn Nhất B, sinh ngày 18/01/2011. Quá trình chung sống vợ cH thường xảy ra bất đồng quan điểm và đã ly thân từ năm 2020. Bị đơn không đồng ý ly hôn vì thấy cuộc sống chung vẫn có thể kéo dài. Bị đơn có yêu cầu được chăm sóc các con chung.

Tài sản chung tự thỏa thuận. Vợ cH không có nợ chung.

** Toàn bộ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập đã được công khai theo đúng quy định pháp luật.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thủ tục tố tụng được Tòa án tiến hành đúng quy định; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được đảm bảo. Từ khi thụ lý vụ án nguyên đơn có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử. Bị đơn chỉ có 1 lời khai tại tòa án và đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ kiện.

- Về việc giải quyết vụ án:

Theo chị H mâu thuẫn gia đình xuất phát từ việc anh S thường đi nhậu về đập phá đồ đạc, chửi bới xúc phạm và đe dọa giết mẹ con chị H, không thể sống chung chị H phải đưa 2 con ra ngoài ở nhưng anh S vẫn tiếp tục đến nơi ở mới đập phá, chửi bới chị. Chị H đã nộp đơn yêu cầu ly hôn 1 lần nhưng sau đó rút đơn vì muốn đoàn tụ gia đình nhưng anh S không thay đổi.

Xét thấy mâu thuẫn vợ cH anh S, chị H đã trầm trọng, không còn giải quyết được. Anh chị ly thân thời gian đã lâu và không còn muốn hàn gắn, đoàn tụ nữa. Vì vậy, đề nghị tòa án chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh S.

Về con chung: hai cháu P và B hiện đang sống cùng chị H, từ khi anh chị sống ly thân thì 2 con chung do chị H nuôi dưỡng chăm sóc, chị H có thu nhập đảm bảo cho cuộc sống và sự phát triển của các cháu. Các cháu cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ. Vì vậy, đề nghị giao con chung cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết cho sự phát triển toàn diện của các cháu. Tạm thời anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về nợ chung chị H khai không có, tài sản chung tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh S. Do anh S có địa chỉ cư trú hiện nay tại **xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Thanh S tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được **Ủy ban nhân dân xã B** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2007, được công nhận là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: chị H và anh S thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Theo chị H nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do anh S ham mê uống rượu về gây gỗ, chửi mắng vợ con. Anh chị đều thừa nhận hai vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2020 đến nay.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành xác minh tại **UBND xã B**, lấy lời khai của những người làm chứng là hàng xóm của anh chị xác định được: chị H và anh S đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, quá trình chung sống thường cãi vã, mâu thuẫn nhau, lý do anh S uống rượu về gây gỗ, chửi bới, đánh đập vợ con, thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà, hăm dọa giết chị H và các con chung, đuổi vợ con ra khỏi nhà đến nửa đêm không cho vào. Sau khi anh chị ly thân, chị H đưa các con ra nhà trọ ở cũng bị anh S thường xuyên đến quấy phá, chửi bới, đe dọa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh S tự ý bỏ về, không có thiện chí nên không thể hòa giải.

Như vậy, có thể xác định quan hệ hôn nhân của chị H và anh S đã mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Chị H có yêu cầu được nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Quốc P, sinh ngày 02/01/2009 và cháu Nguyễn Nhật B, sinh

ngày 18/01/2011. Xét yêu cầu này nhận thấy: từ khi hai vợ chồng ly thân vào năm 2020 đến nay, các con chung ở với chị H, bản thân các cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao các cháu P và B cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4] *Nợ chung*: đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] *Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị*: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các điều 228, 266, 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Chị **Nguyễn Thị Thu H1**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Thanh S.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Quốc P, sinh ngày 02/01/2009 và cháu Nguyễn Nhất B, sinh ngày 18/01/2011 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh S được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị H, anh S được quyền yêu cầu thay

đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 0005815 ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung).

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Vân Khánh